

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 150/2024/DS-PT

Ngày: 24-9-2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 185/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Doãn Văn D, sinh năm: 1972, bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1980; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Trung H, sinh năm: 1956; bà Đinh Thị L, sinh năm: 1960; cư trú tại thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm: 1982; cư trú tại thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh A – Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2023).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L – Bị đơn.

(Ông D, bà N, ông K có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn vợ chồng ông Doãn Văn D, bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vào năm 1990 vợ chồng ông bà khai hoang, trồng cà phê, canh tác sử dụng ổn định và không tranh chấp với ai đối với thửa đất số 385. Vợ chồng ông bà đã tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ban địa chính xã Đ, huyện L đo đạc để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được các hộ dân xung quanh ký giáp ranh. Vợ chồng ông bà cũng đã nộp thuế hàng năm. Vào năm 2019 vợ chồng ông H, bà L đến tranh chấp một phần diện tích đất của vợ chồng ông bà tại thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L. Sau khi sự việc xảy ra vợ chồng ông bà đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vào ngày 16/7/2022 vợ chồng ông H, bà L đã đưa máy móc đến đào và trồng chuối, chôn cột bê tông và rào lưới B40 trên phần đất của vợ chồng ông bà. Vì vậy, vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà L phải trả cho vợ chồng ông bà diện tích đất khoảng 650m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L. Ngoài ra vợ chồng ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân K trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất hiện nay vợ chồng ông H, bà L đang sử dụng có nguồn gốc do vợ chồng ông H, bà L nhận chuyển nhượng lại và canh tác trước năm 1995. Thửa đất vợ chồng ông H, bà L sử dụng là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 283a, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L. Ngày 24/3/1995 nhà nước có chủ trương làm cầu Đ, huyện L mới gia đình ông H, bà L có một phần diện tích đất 600m² nằm trong quy hoạch đường quốc lộ 27 mới đi vào thửa đất số 97 của vợ chồng ông H, bà L. Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H, bà L. Vì vậy, vợ chồng ông H, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng ông Nguyễn Minh A trình bày:* Trên cơ sở nghiên cứu nội dung công văn số 61/CV-TA ngày 01/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

Họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện L thiết lập ngày 08/12/2022, đối chiếu với hồ địa chính đối với thửa đất số 385, tờ bản đồ số 11, xã Đ ông có ý kiến như sau:

1. Diện tích 49m² thuộc một phần thửa số 385; diện tích 241m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, có thuộc diện được xét cấp GCNQSDĐ hay không?

Tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê.

Đối chiếu bản đồ quy hoạch SDĐ ban hành kèm theo quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh L về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì hiện nay phần diện tích đất 49m² thuộc một phần thửa số 385 và diện tích đất 241m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ thuộc quy hoạch đường giao thông (QL27).

Như vậy, phần diện tích nêu trên hiện nay không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nên không đủ điều kiện để được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

2. Phần diện tích 139m² đất chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính tờ bản đồ số 11 xã Đ và diện tích 346m² đất thuộc đường giao thông trên bản đồ địa chính thì UBND huyện có ý kiến như thế nào; có đủ điều kiện để xem xét cấp GCNQSDĐ hay không?

Đối chiếu bản đồ quy hoạch SDĐ ban hành kèm theo quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh L về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì phần diện tích đất 139m² và diện tích đất 346m² nêu trên hiện nay thuộc quy hoạch đất đường giao thông (QL27).

Theo tờ bản đồ địa chính số 11 (đo đạc năm 1995), bộ bản đồ địa chính xã Đ thì phần diện tích 139m² đất chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính và diện

tích 346m² đất thuộc đường giao thông (QL 27 cũ). Việc các hộ tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất.

Tại Khoản 1, Điều 22, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng sau khi Nhà nước đã công bố, cắm mốc hành lang bảo vệ hoặc lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè sau khi Nhà nước đã công bố chỉ giới xây dựng hoặc lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, công trình công cộng khác thì Nhà nước thu hồi đất để trả lại cho công trình mà không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã lấn, chiếm.

Trường hợp đã có điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà nay diện tích đất lấn, chiếm không còn thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng; không thuộc chỉ giới xây dựng đường giao thông; không có mục đích sử dụng cho trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và công trình công cộng khác thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Như vậy, phần diện tích 139m² đất chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính tờ bản đồ số 11 xã Đ và diện tích 346m² đất thuộc đường giao thông trên bản đồ địa chính không đủ điều kiện cấp GCN QSDĐ theo quy định.

Trên đây là bản nêu ý kiến của người tham gia tố tụng. Ông xin cam đoan những ý kiến trên là trung thực, đúng đắn và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện L sẽ căn cứ vào quyết định hoặc Bản án của Tòa án nhân dân các cấp để thực hiện.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 03/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1/ Tạm giao cho vợ chồng ông Doãn Văn D, bà Nguyễn Thị N canh tác, sử dụng diện tích đất 241m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L; diện tích đất 346m² thuộc đường giao thông theo bản đồ địa chính và diện tích đất 139 m² chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính và toàn bộ cây trồng trên đất cho đến khi nhà nước có chính sách thu hồi (Có trích lục họa đồ kèm theo).

2/ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào, lưới B40 có chiều dài 51,9m cao 1,8m và 25 trụ bê tông cao 1,4m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 16/7/2024 ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tạm giao diện tích 241m² thuộc một phần thửa 385, tờ bản đồ số 11 tại xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, diện tích 364m² đất thuộc đường giao thông theo bản đồ địa chính và diện tích 139m² đất chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính cùng toàn bộ cây trồng trên đất cho vợ chồng ông H, bà H2 cho đến khi Nhà nước có chính sách thu hồi.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu sót nên căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L thì thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện, nguồn gốc diện tích đất 241m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L; diện tích đất 346m² thuộc đường giao thông theo bản đồ địa chính và diện tích đất 139m² chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính, đều thuộc tờ bản đồ số 11, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

mà các đương sự đang tranh chấp do vợ chồng ông D, bà N sử dụng có nguồn gốc do ông D khai phá từ năm 1990 đến khi kết hôn với bà N thì vợ chồng tiếp tục sử dụng và đã trồng toàn bộ cây cà phê trên phần diện tích đất này. Đến năm 2009 thì vợ chồng ông D, bà N đã đăng ký kê khai với diện tích 1.450m² nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 23/11/2022 (BL số 70) và Biên bản định giá tài sản ngày 22/5/2023 (BL số 113) thì trên diện tích đất này ông D, bà N đã trồng cây cà phê kinh doanh 20 năm tuổi. Trong quá trình canh tác và sử dụng thì không có ai tranh chấp với vợ chồng ông D, bà N. Đến năm 2019 vợ chồng ông H, bà L mới đến tranh chấp với vợ chồng ông D, bà N và cho rằng phần diện tích đất đang tranh chấp vợ chồng ông H, bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này thuộc một phần thửa số 97, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L nên tại Biên bản hòa giải ngày 26/12/2019 (BL số 03) của UBND xã Đ thì ý kiến ông H, bà L cũng chỉ yêu cầu lấy lại diện tích đất thuộc thửa 97 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông D, bà N đang sử dụng.

Tuy nhiên, theo Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 08/12/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L (BL số 59) thì phần diện tích đất hiện nay các đương sự đang tranh chấp với nhau là diện tích 241m² thuộc một phần thửa 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L; diện tích đất 346m² thuộc đường theo bản đồ địa chính và diện tích đất 139m² chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính nằm chung trong thửa đất 385 mà vợ chồng ông D, bà N đã nộp thuế, đăng ký kê khai giáp mặt đường Quốc Lộ 27 và đã sử dụng từ năm 1990 cho đến nay, không nằm trong diện tích đất thuộc thửa 97 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H, bà L. Mặt khác, vợ chồng ông H, bà L cũng không đăng ký kê khai, không sử dụng, chỉ đến năm 2022 thì vợ chồng ông H, bà L mới trồng chuối, đóng cọc rào lưới B40 đối với phần diện tích đất tranh chấp.

Tại văn bản trình bày ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện L thì hiện nay diện tích đất 241m² thuộc một phần thửa số 385 đối chiếu với bản đồ quy hoạch sử dụng đất ban hành kèm theo quyết định số 1408/QĐ - UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì hiện nay diện tích đất 241m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L thuộc quy hoạch đường giao thông. Như vậy, phần diện tích đất nêu trên không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nên không đủ điều kiện được xét cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 33/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Đối với diện tích đất 139m² và diện tích đất 346m² đối chiếu với bản đồ quy hoạch sử dụng đất ban hành kèm theo quyết định số 1408/QĐ - UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì phần diện tích đất nêu trên thuộc quy hoạch đất đường giao thông. Theo tờ bản đồ địa chính số 11 (Đo đạc năm 1995), bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L thì diện tích đất 139m² chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính và diện tích đất 346m² thuộc đường giao thông (Quốc lộ B cũ).

Như vậy, phần diện tích đất hiện nay các bên đương sự đang tranh chấp với nhau Ủy ban nhân dân huyện L chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn hay bị đơn. Phần đất này thuộc quy hoạch đường giao thông và không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tạm giao cho vợ chồng ông D, bà N canh tác sử dụng diện tích đất 241m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L; diện tích đất 346m² thuộc đường giao thông và diện tích đất 139m² chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính cho đến khi nhà nước có chính sách thu hồi, sử dụng là phù hợp.

Đối với cây trồng trên phần diện tích đất đang tranh chấp các bên đương sự đều thừa nhận do vợ chồng ông D, bà N là người trồng nên giao toàn bộ cây trồng trên đất cho vợ chồng ông D, bà N tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến khi nhà nước thu hồi là thỏa đáng.

Đối với trụ bê tông và hàng rào lưới B40 các bên đương sự thừa nhận do bị đơn rào. Do tạm giao cho vợ chồng ông D, bà N sử dụng phần đất này nên buộc vợ chồng ông H, bà L phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào lưới B40 là hoàn toàn phù hợp.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là thiếu sót.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 7.482.000đ chi phí đo đạc, định giá tài sản.

[4] Về án phí: Buộc ông H, bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông H, bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông H, bà L

Từ những phân tích trên, cần sửa bản án sơ thẩm về án phí và cách tuyên án như đã nhận định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Doãn Văn D, bà Nguyễn Thị N về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L.

1. Tạm giao cho vợ chồng ông Doãn Văn D, bà Nguyễn Thị N canh tác, sử dụng diện tích đất 241m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 11, bộ bản đồ địa chính xã Đ, huyện L; diện tích đất 346m² thuộc đường giao thông theo bản đồ địa chính và diện tích đất 139m² chưa được đo đạc trên bản đồ địa chính và toàn bộ cây trồng trên đất cho đến khi nhà nước có chính sách thu hồi (Có trích lục họa đồ kèm theo).

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào, lưới B40 có chiều dài 51,9m cao 1,8m và 25 trụ bê tông cao 1,4m.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L phải thanh toán lại cho vợ chồng ông Doãn Văn D, bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí tố tụng là 7.482.000đ.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Đinh Thị L được miễn án phí.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Doãn Văn D, bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ theo Biên lai thu số 0003510 ngày 29/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà (01)
- Đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt